TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02385

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T2 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10157237	ĐẶNG THÚY	AN	DH10DL	1		8,5		4,5	6,1	6	1
2	09125005	ĐOÀN NGỌC	ANH	DH09BQ	1		8,5		5	6,4	6	4
3	09149010	VI VĂN	BẢO	DH09QM	1		8,5		4,5	6,1	6	1
4	10125019	ĐÀO THỊ MỸ	CHI	DH10BQ	1		8		6	6,8	6	8
5	09125017	NGUYỄN KHẮC	CƯƠNG	DH09BQ	1		8,5		4	5,8	5	8
6	10125032	NGUYỄN THỊ	DUNG	DH10BQ	1		8		4,5	5,8	5	8
7	09125045	NGUYỄN ĐỨC	HẬU	DH09BQ	1		8		6	6,8	6	8
8	09125053	NGUYỄN TRỌNG	HÒA	DH09BQ	1		8		5,5	6,5	6	5
9	10125066	TRẦN XUÂN	HOÀNG	DH10BQ	1		8		4,5	5,8	5	8
~~10~~	~~10157068~~	~~NGUYỄN LONG~~	~~HỒ~~	~~DH10DL~~	1							
11	08125079	TRẦN NGUYỄN QUANG	HUY	DH08BQ	1		V		4,5	3,7	3	7
12	09157081	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	DH09DL	1		8,5		9,5	9,1	9	1
13	09157085	CAO VĂN	KHÔI	DH09DL	1		8,5		6	7	7	0
14	09157090	BÙI THỊ THANH	LAM	DH09DL	1		8,5		6,5	7,5	7	5
15	10157087	ĐẶNG THỊ	LIỄU	DH10DL	1		8,5		5,5	6,7	6	7
16	10157099	PHẠM PHƯỚC	LỘC	DH10DL	1		8,5		6,5	7,5	7	5
17	09125090	NGUYỄN THỊ MỸ	MẾN	DH09BQ	1		8,5		4,5	6,1	6	1
18	09131114	PHẠM VĂN	NGUYÊN	DH09QM	1		V		5	3	3	0

Số bài: 39 ; Số tờ: 39

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Thất Huỳnh Mai

Nguyễn Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê T Lan Thảo

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02385

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T2 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40 %)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09125113	PHẠM THỊ TUYẾT	NỮ	DH09BQ	1		8,5		4,5	6,1	6	1
20	09125117	NGUYỄN VĂN	PHÚC	DH09BQ	1		8		5	6,5	6	5
21	09125123	TRẦN MAI	PHƯƠNG	DH09BQ	1		8,5		6,5	7,5	7	5
22	09157144	BÙI THỊ LINH	PHƯỢNG	DH09DL	1		8,5		8	8,2	8	2
23	10125141	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUANH	DH10BQ	1		8		8	8	8	0
24	10125153	TRẦN QUANG	THÁI	DH10BQ	1		8		7,5	7,8	7	8
25	09157172	BÙI PHƯƠNG	THẠNH	DH09DL	1		8,5		6	7	7	0
26	10157167	ĐẶNG NGUYỄN DẠ	THẢO	DH10DL	1		8,5		7	7,5	7	5
27	09125165	TRẦN VĂN	THIỆU	DH09BQ	1		8		5	6,2	6	2
28	09125169	BÙI THỊ THANH	THÚY	DH09BQ	1		8,5		8	8,2	8	2
29	10157189	PHẠM THỊ MINH	THƯ	DH10DL	1		8,5		6	7	7	0
30	10157191	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	DH10DL	1		8,5		7,5	8	8	0
31	10125165	NGÔ THỊ CẨM	TIÊN	DH10BQ	1		8		3,5	5,3	5	3
32	09125176	THÂN QUANG	TIẾN	DH09BQ	1		8		5	6,2	6	2
33	09157190	TRẦN THANH	TỊNH	DH09DL	1		9		8	8,5	8	5
34	09125182	HÀ TRẦN THẢO	TRANG	DH09BQ	1		8,5		9	8,8	8	8
35	09157202	PHAN THỊ MINH	TRANG	DH09DL	1		8,5		8,5	8,5	8	5
36	10157207	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	DH10DL	1		8,5		5,5	6,7	6	7

Số bài:...39.....; Số tờ:...39.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Mai Ngô Phát Huỳnh Mai

Nguyễn Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Lan Thảo

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02385

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T2 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09125186	HUỲNH THỊ MINH	TRÂM	DH09BQ	1		8,5		6	7	7	0
38	09125195	TRẦN ANH	TUẤN	DH09BQ	1		8		5	6,2	6	2
39	09157226	PHẠM NGỌC TƯỜNG	VI	DH09DL	1		8,5		6	7	7	0
40	09125213	ĐỖ THỊ ANH	VŨ	DH09BQ	1		8,5		4,5	6,1	6	1

Số bài: 39 ; Số tờ: 39

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Nhật Huỳnh Mai

Nguyễn Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê T Lan Thảo

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02386

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08157002	ĐẶNG THÚY	AN	DH08DL			5		8,5	7,1	7	1
2	09157003	LÊ THỊ KIM	ANH	DH09DL			8		7	7,5	7	5
3	09157005	NGUYỄN THỊ NHẬT	ANH	DH09DL			8,5		6,5	7,5	7	5
4	10157008	PHẠM THỊ KIM	ANH	DH10DL			9		7	8	8	0
5	08157012	VŨ MINH	ANH	DH08DL			9		8	8,5	8	5
6	09157013	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	DH09DL			8,5		7,5	8	8	0
7	08157021	HUỲNH THỊ CẨM	BÌNH	DH08DL			7,5		7	7,2	7	2
8	08157035	LÊ THỊ	DIỆU	DH08DL			7,5		8	7,8	7	8
9	09157023	NGUYỄN THỊ XUÂN	DIỆU	DH09DL			8,5		6	7	7	0
10	09157025	TRẦN HUỲNH THÙY	DUNG	DH09DL			9		4,5	6,3	6	3
11	09157026	LÊ THỊ THÚY	DUY	DH09DL			9		8	8,4	8	4
12	09157033	HOÀNG THỊ ANH	ĐÀO	DH09DL			7		5,5	6,1	6	1
13	08157044	TRẦN HẢI	ĐĂNG	DH08DL			9		7	7,8	7	8
14	09157040	NGUYỄN LINH	EM	DH09DL			8		5	6,2	6	2
15	09157046	LÊ THỊ KIM GIANG	HÀ	DH09DL			9		5,5	6,9	6	9
16	09157051	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	DH09DL			8,5		5	6,4	6	4
17	09157053	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH09DL			8,5		5	6,4	6	4
18	10125053	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	DH10BQ			7		4,5	5,5	5	5

Số bài: 30 ; Số tờ: 3.0 + 30

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thanh Tuyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02386

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09149067	ĐINH THỊ THU	HIỀN	DH09QM		Hiền	7		4,5	5,5	5	5
20	08157063	HOÀNG NGỌC	HIẾU	DH08DL		Hiếu	7,5		7,5	7,5	7	5
21	09157071	NGUYỄN THỊ	HÒA	DH09DL		Hòa	7		6	6,4	6	4
22	08157087	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH08DL		Khoa	7,5		7	7,2	7	2
23	08157093	NGUYỄN THỊ	LAN	DH08DL		Lan	9		7,5	8,1	8	1
24	09157092	NGUYỄN THỊ ÁNH	LÂM	DH09DL		Lâm	9		8,5	8,7	8	7
25	08157280	KON JÀN YONG NHÔNG	LẬP	DH08DL		Lập	9		7	7,8	7	8
26	10157085	NGUYỄN THỊ CẨM	LỆ	DH10DL		Lệ	9		7,5	8,1	8	1
27	09157096	ĐOÀN THỊ THÙY	LIÊN	DH09DL		Liên	8,5		6,5	7,3	7	3
28	09157097	NGUYỄN NGỌC	LINH	DH09DL		Linh	9		5	6,6	6	6
29	09157101	TRẦN VĂN	LONG	DH09DL		Long	8		7	7,4	7	4
30	09157102	TRẦN XÌ	LONG	DH09DL		Long	8		6	6,8	6	8

Số bài:...30.....; Số tờ:...30.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thanh Tuyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02387

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09157104	LÊ THÀNH	LUÂN	DH09DL	1		V		5	3	3	0
2	10157101	PHẠM THỊ KHÁNH	LY	DH10DL	1		7		8,5	7,8	7	8
3	08157118	PHẠM THỊ THIÊN	LÝ	DH08DL	1		9		8	8,5	8	5
4	10157107	NGUYỄN TUẤN	MẠNH	DH10DL	1		8		5	6,2	6	2
5	09157122	LÊ THỊ THANH	NGÂN	DH09DL	1		7		6,5	6,7	6	7
6	10157123	LÊ VĂN	NGHĨA	DH10DL	1		8		6,5	7,1	7	1
7	10125111	NGUYỄN THỊ	NGỌT	DH10BQ	1		7		7	7	7	0
8	09157126	PHẠM THỊ HÀ	NGUYÊN	DH09DL	1		8		4,75	6,2	6	2
9	10125114	LÊ ĐỨC	NHÃ	DH10BQ	1		7		5,5	6,1	6	1
10	09157127	ÔNG THỊ TUYẾT	NHÀNG	DH09DL	1		8,5		8,75	8,8	8	8
11	09157129	ĐẶNG THỊ	NHI	DH09DL	1		9		5,5	6,9	6	9
~~12~~	~~10125134~~	~~NGUYỄN THỊ TRÚC~~	~~PHƯƠNG~~	~~DH10BQ~~								
13	09157143	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	DH09DL	1		9		7,25	8,1	8	1
14	10157154	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	DH10DL	1		8		5,75	6,8	6	8
15	09149163	NGUYỄN PHƯƠNG	QUYÊN	DH09QM	1		7		6,5	6,7	6	7
16	09157241	LÝ PHÙM MA	RA	DH09DL	1		7		4,75	5,8	5	8
~~17~~	~~09157156~~	~~TRƯƠNG THỊ ĐAN~~	~~TÂM~~	~~DH09DL~~								
18	08146124	TRƯƠNG VĂN	THẠCH	DH08DL	1		9		8,5	8,7	8	7

Số bài: 31 ; Số tờ: 31+32

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Cao Phát

Nguyễn Anh Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê T Lan Thảo

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02387

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40 %)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08157193	NGUYỄN THỊ MỸ	THẠNH	DH08DL	1		7,5		6,75	7,2	7	2
20	09157168	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH09DL	1		8,5		4,25	6,1	6	1
21	09157169	NGUYỄN THU	THẢO	DH09DL	1		7		5	5,8	5	8
22	08157188	PHẠM THỊ THU	THẢO	DH08DL	1		9		6,75	7,8	7	8
23	09157173	NGUYỄN THỊ	THẮM	DH09DL	1		8		8	8	8	0
24	08157194	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẮM	DH08DL	1		7,5		8,5	8,1	8	1
25	08125189	NGUYỄN THU	THỊNH	DH08BQ	1		7		7	7	7	0
26	08149137	ĐOÀN THỊ THU	THỦY	DH08QM	1		9		7,5	8,1	8	1
27	09157181	NGUYỄN THỊ MAI	THỦY	DH09DL	1		8,5		6	7	7	0
28	09157183	TRẦN THỊ	THỦY	DH09DL	1		9		7,5	8,1	8	1
29	09157186	PHAN THỊ THÚY	TIỀN	DH09DL	1		7		8	7,6	7	6
30	08157231	HÀ VĂN	TỒN	DH08DL	1		9		7,5	8,1	8	1
31	08157234	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH08DL	1		7,5		7	7,2	7	2
32	09157205	VŨ THỊ KIỀU	TRANG	DH09DL	1		9		6,5	7,5	7	5
33	09157208	LÊ THỊ MINH	TRÂM	DH09DL	1		8,5		6,5	7,3	7	3
34	08157240	TRƯƠNG THANH	TRÍ	DH08DL	1		7,5		8	7,8	7	8
35	09157243	NÔNG VĂN	TRƯỜNG	DH09DL	1		8		7	7,4	7	4
36	08157246	NGUYỄN MINH	TUẤN	DH08DL	1		7,5		8	7,8	7	8

Số bài: 31 ; Số tờ: 31+37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Cao Phát

Nguyễn Anh Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê T Cẩm Thảo

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02387

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	08157263	ĐỖ HOÀI	VŨ	DH08DL	1		9		8	8,5	8	5
38	10157233	LÊ HÙNG	VƯƠNG	DH10DL	1		8		5	6,2	6	2
39	09157235	MAI THỊ	XUÂN	DH09DL	1		8,5		7,5	7,9	7	9
40	08157278	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	YẾN	DH08DL	1		9		7	7,8	7	8

Số bài: 37 ; Số tờ: 37 + 37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Cao Phát

Nguyễn Anh Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê T Cẩm Thơ

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02388

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40 %)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09149002	NGUYỄN THANH HOÀNG	AN	DH09QM	1		9		6	7,2	7	2
2	09149004	DƯƠNG HOÀNG	ANH	DH09QM	1		8		6	6,8	6	8
3	10125011	NGUYỄN LƯU	BẢO	DH10BQ	1		V		4,5	2,7	2	7
4	09149017	NGUYỄN THY MINH	CHÂU	DH09QM	1		9		8	8,4	8	4
5	09149018	LÊ THỊ KIM	CHI	DH09QM	1		7		7	7	7	0
6	09149019	PHAN THỊ	CHI	DH09QM	1		8		6	6,8	6	8
7	09149026	HỒ PHAN TÂN	CƯƠNG	DH09QM	1		9		7	7,8	7	8
8	10149021	PHAN SONG LONG	DÂN	DH10QM	1		9		6	7,2	7	2
9	10125028	TRẦN THỊ MỸ	DIỄM	DH10BQ	1		8		8	8	8	0
10	09149034	DƯƠNG THỊ THÙY	DUNG	DH09QM	1		8		6	6,8	6	8
11	10125033	VÕ THỊ BÍCH	DUNG	DH10BQ	1		8		4,5	5,9	5	9
12	09149039	VŨ THỊ KIM	DUNG	DH09QM	1		8		4,5	5,9	5	9
13	09149281	THẠCH HOÀN	DUY	DH09QM	2		9		6	7,2	7	2
14	09149044	PHAN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH09QM	1		8		8	8	8	0
15	09149054	NGUYỄN ĐÌNH	ĐĂNG	DH09QM	2		9		7,5	8,1	8	1
16	10125046	HOÀNG THỊ	GIANG	DH10BQ	1		8		4,5	5,9	5	9
17	08125046	LÊ THU	HÀ	DH08BQ	2		8		7,5	7,7	7	7
18	09149065	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	DH09QM	1		8		5	6,2	6	2

Số bài: 36 ; Số tờ: 40

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Tuyết Mai

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02388

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40 %)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09149069	TRẦN MINH	HIỀN	DH09QM	1		9		6,5	7,5	7	5
20	09149075	NGUYỄN THỊ NẾT	HOA	DH09QM	1		9		7,5	8,1	8	1
21	09149079	NGÔ THỊ XUÂN	HÒA	DH09QM	1		7		8	7,6	7	6
22	10125067	CAO THỊ	HỒNG	DH10BQ	1		8		6	6,8	6	8
23	08157073	NGUYỄN NHO	HUÂN	DH08DL	1		9		9	9	9	0
24	09149081	DƯƠNG THỊ MAI	HUẾ	DH09QM	1		7		7,5	7,3	7	3
25	09149090	VĂN THỊ	HƯƠNG	DH09QM	1		7		5,5	6,1	6	1
26	09149097	NGUYỄN THỊ YẾN	LAN	DH09QM	1		8		9	8,6	8	6
27	09149101	ĐỖ THỊ NHƯ	LIÊN	DH09QM	1		7		6	6,4	6	4
28	09149107	NGUYỄN THỊ	LONG	DH09QM	1		7		8,5	7,9	7	9
29	09149110	CHÂU THỊ	LÝ	DH09QM	1		8		7,5	7,7	7	7
30	09149116	PHAN	MINH	DH09QM	1		9		4,5	6,3	6	3
31	09149123	PHAN THỊ	NGHĨA	DH09QM	1		9		6	7,2	7	2
32	08157136	NGUYỄN THỊ	NGOÃN	DH08QM	2		8		7	7,4	7	4
33	09149135	ĐẶNG NGỌC HOÀI	NHI	DH09QM	1		7		8	7,6	7	6
34	08149092	NGUYỄN THỊ BÍCH	NHI	DH08QM	1		9		9,5	9,3	9	3
35	10125125	VÕ THỊ	NHUNG	DH10BQ	1		8		8	8	8	0
36	09149143	NGUYỄN THỊ	OANH	DH09QM	1		9		8,5	8,7	8	7

Số bài: 36 ; Số tờ: 40

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Tuyết Mai

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Lan Thảo

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02389

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40 %)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09149147	NGUYỄN ĐẠI	PHONG	DH09QM	1		7		8,5	7,9	7	9
2	08149098	NGUYỄN VĂN	PHONG	DH08QM	1		9		5,5	6,9	6	9
3	09149150	HUỲNH THỊ MỸ	PHƯƠNG	DH09QM	1		7		9	8,2	8	2
4	09149156	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯỢNG	DH09QM	1		9		6	7,2	7	2
5	07149102	HUỲNH	QUANG	DH08QM	1		9		3	5,4	5	4
6	08149108	DƯƠNG TƯỜNG	QUÂN	DH08QM	1		9		5,5	6,9	6	9
7	09149161	ĐẶNG VĨNH	QUÍ	DH09QM	1		9		4,0	6	6	0
8	09149177	PHẠM VĂN	THANH	DH09QM	1		7		5	5,8	5	8
9	08149118	TỪ NGUYỄN HOÀNG	THÀNH	DH08QM	1		9		5	6,6	6	6
10	09149180	NGÔ TẤN	THẠNH	DH09QM	1		7		7,5	7,3	7	3
11	08157196	TRẦN QUYẾT	THẮNG	DH08DL	1		9		6	7,2	7	2
12	09149189	NGUYỄN THỊ	THƠM	DH09QM	1		7		6	6,4	6	4
13	08157215	NGUYỄN THỊ LỆ	THỦY	DH08DL	1		9		6,5	7,5	7	5
14	09149195	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	DH09QM	1		7		9,5	8,5	8	5
15	09149197	NGUYỄN MINH	THƯ	DH09QM	1		8		6	6,8	6	8
16	09149201	NGUYỄN MINH	TIẾN	DH09QM	1		7		5,5	6,1	6	1
17	09149202	NGUYỄN MINH	TIẾN	DH09QM	1		9		5	6,6	6	6
18	09149209	NGÔ THỊ	TRANG	DH09QM	1		7		5,5	6,1	6	1

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

N.T. Hà Vy

Nguyễn Thanh Ngân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Thị Lan Thảo

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02389

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước thải & các QT xử lý nước (212335) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 07/12/11 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (40%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09149216	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	DH09QM	1		9		6,5	7,5	7	5
20	08149163	NGUYỄN THANH	TRUNG	DH08QM	1		9		5,5	6,9	6	9
21	09149223	LÊ ANH	TUẤN	DH09QM	1		9		5,5	6,9	6	9
22	09149227	KIỀU THỊ HOÀNG	TÙNG	DH09QM	1		7		4	5,2	5	2
23	10125181	TRẦN THỊ NGỌC	TUYỀN	DH10BQ	1		8		5,5	6,5	6	5
24	09149233	BÙI THỊ THÚY	VY	DH09QM	1		7		6	6,4	6	4
25	08157275	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	DH08DL	1		9		8,5	8,7	8	7

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

N.T Hà Vy

Nguyễn Thanh Ngân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. Lê Quốc Tuấn

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê T. Lan Thảo

Ngày 28 tháng 12 năm 2011